

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VIỆC XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ NHÌN TỪ YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI VIỆN KIỂM SÁT THÀNH VIỆN CÔNG TỔ

Lê Lan Chi *

“Nghiên cứu việc chuyển đổi Viện kiểm sát thành Viện công tố” là một trong những nội dung quan trọng mà Nghị quyết 49 ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đề cập. Việc chuyển đổi Viện kiểm sát thành Viện công tố đặt ra rất nhiều vấn đề cần phải làm rõ về vị trí, tổ chức bộ máy cũng như chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này trong hệ thống các cơ quan Nhà nước và trong lĩnh vực tư pháp. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đề cập hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự của Viện kiểm sát trong tiến trình chuyển đổi Viện kiểm sát thành Viện công tố - các vấn đề lý luận và thực tiễn của việc tiếp tục hay không tiếp tục duy trì hoạt động này với tư cách là một nhiệm vụ, quyền hạn của Viện công tố Việt Nam tương lai.

Chúng tôi đồng ý với rất nhiều quan điểm hiện nay cho rằng, trong tiến trình chuyển đổi Viện kiểm sát thành Viện công tố, cần và có thể tiến tới việc không tiếp tục duy trì quy định Viện kiểm sát “kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự”¹, nói cách khác, dần xóa bỏ hoạt động kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân. Chúng ta đang hướng tới việc xây dựng mô hình tố tụng theo hướng mở rộng tranh tụng với một trong những yêu cầu cơ bản của tranh tụng là bảo đảm vị trí tối thượng của Tòa án với các bên buộc tội và

gỡ tội. Vị trí tối thượng của Tòa án mà cụ thể là của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đòi hỏi chỉ có Hội đồng xét xử là người điều khiển, điều hành phiên tòa, không cho phép bất kỳ ai được can thiệp vào việc xét xử. Như vậy, trên phương diện lý luận, trong mối quan hệ giữa Viện kiểm sát với Tòa án, việc Viện kiểm sát được trao quyền kiểm sát đối với hoạt động xét xử, kiểm sát việc thực hiện pháp luật của Tòa án khiến cho ranh giới quyền lực giữa Tòa án và Viện kiểm sát không được trả về đúng vị trí, không đảm bảo được một trong những nguyên tắc cơ bản của tranh tụng. Trên thực tế, đã tồn tại những hiện tượng nhầm lẫn nghiêm trọng về vai trò kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát như sự kiện tháng 1 năm 1997, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thành lập đoàn kiểm tra hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và các Tòa án nhân dân cấp huyện của tỉnh Tây Ninh về việc các Tòa án này áp dụng án treo khi xét xử².

Trong mối quan hệ giữa Viện kiểm sát với người tham gia tố tụng, mà trước hết là với bên bị buộc tội, sẽ không thể có sự tranh tụng thực sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội - nếu bên buộc tội đồng thời có thẩm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử (trong đó có quyền “kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham

* Thạc sỹ Luật học, giảng viên Học viện Tư pháp

¹ Khoản 3 Điều 3 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002

² Viện khoa học xét xử, TANDTC, (1997) Công văn số 07/KHXX ngày 21/2/1997 về thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát công tác xét xử của Tòa án nhân dân

gia tố tụng”³). Tất nhiên, chúng tôi cũng đồng ý với quan điểm cho rằng “bình đẳng” giữa bên buộc tội và bên bào chữa phải hiểu theo nghĩa “bình đẳng về mặt tố tụng, tức là cả hai bên đều được dành cho những quyền tố tụng và các phương tiện tố tụng ngang nhau để thực hiện chức năng của mình trong tranh tụng chứ không có nghĩa hai bên đều có quyền hạn và nghĩa vụ như nhau”⁴. Trên thực tế, một bộ phận không nhỏ Kiểm sát viên còn sử dụng quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng như một “lá chắn” che dấu trình độ nghiệp vụ yếu kém của mình hoặc để nâng cao vị thế khi tranh luận. Tại nhiều phiên tòa, khi đối đáp với người bào chữa, để bác bỏ quan điểm của bên đối tụng, Kiểm sát viên nhắc nhở, nhận xét thái độ của luật sư thay vì trực tiếp đáp lại quan điểm của luật sư. Nhiều trường hợp Kiểm sát viên không cho bị cáo khai khi bị cáo muốn trình bày những vấn đề mà Kiểm sát viên cho là quanh co chối tội, vu khống Cơ quan điều tra hoặc đổ trách nhiệm cho đồng phạm, thậm chí, có Kiểm sát viên còn mặt sát, quát nạt bị cáo, người làm chứng...

Những phân tích về mối quan hệ giữa Viện kiểm sát với Tòa án và những người tham gia tố tụng mà chúng tôi đã đề cập ở trên nhằm khẳng định sự cần thiết của việc không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại của hoạt động kiểm sát xét xử khi Viện kiểm sát chuyển đổi thành Viện công tố. Tuy nhiên, khi tranh luận về vấn đề này, một câu hỏi thường được đặt ra là: nếu không có sự kiểm sát của Viện kiểm sát thì ai sẽ phát hiện và yêu cầu khắc phục các sai phạm của Tòa án? Những vi phạm pháp luật của Tòa án như vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử, thành phần Hội đồng xét xử không đúng quy định,

bản án tuyên trái pháp luật... nếu không có sự phát hiện và kiến nghị khắc phục của Viện kiểm sát thì việc xét xử sẽ như thế nào? Để trả lời câu hỏi về việc liệu có thể bỏ hoạt động kiểm sát xét xử một cách thuyết phục, theo chúng tôi, cần phải xem xét vấn đề trên một số bình diện sau:

Thứ nhất, xuất phát từ bản thân hoạt động xét xử của Tòa án. Xét xử là hoạt động điều tra cuối cùng trong quá trình giải quyết vụ án, dân chủ nhất và công khai nhất. Tuy những công việc chuẩn bị xét xử không diễn ra công khai nhưng kết quả của những công việc này được thể hiện công khai tại phiên tòa. Ví dụ: thành phần Hội đồng xét xử không có một giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên trong vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, Tòa không triệu tập người làm chứng quan trọng... là sản phẩm của công việc chuẩn bị xét xử. Để giải quyết các vi phạm như vậy, không phải chỉ có Kiểm sát viên mà cả những người tham gia tố tụng đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi, bổ sung hoặc thực hiện các biện pháp khác nhằm khắc phục vi phạm. Điều này xuất phát từ những quyền năng tố tụng cơ bản mà pháp luật ghi nhận cho các bên tham gia vào quá trình giải quyết vụ án nói chung và tại phiên tòa nói riêng. Cũng xuất phát từ tính công khai của hoạt động xét xử, những vi phạm trong quá trình điều khiển phiên tòa như không giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị cáo, người bị hại, không quay trở lại phần xét hỏi khi xuất hiện những vấn đề cần phải làm rõ qua xét hỏi... để bị phát hiện và yêu cầu xử lý hơn hẳn những vi phạm pháp luật xảy ra trong giai đoạn điều tra, truy tố trước đó. Do dễ bị phát hiện và dễ bị xử lý, số lượng vi phạm pháp luật trong giai đoạn xét xử không quá nhiều và ít lặp lại trong quá trình hành nghề của Thẩm phán.

Thứ hai, đối với bản thân Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, việc bỏ nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử cũng giúp cho Kiểm sát viên tập trung hơn vào

³ Khoản 2 Điều 18 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002

⁴ Nguyễn Đức Mai, Vấn đề tranh tụng hình sự, Đề tài khoa học cấp bộ: “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự”, Viện khoa học Kiểm sát, VKSNDTC, 1995

hoạt động thực hành quyền công tố, tranh luận để bảo vệ cáo trạng. Thực tế tố tụng hiện nay cho thấy, Kiểm sát viên cần được tập trung hơn vào hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Các vụ án lớn, vụ án có nhiều bị cáo, bị cáo phạm nhiều tội, có nhiều người bào chữa, nhiều người bảo vệ quyền lợi của những người tham gia tố tụng, lại càng đòi hỏi Kiểm sát viên phải hoàn toàn tập trung vào việc tranh luận. Đặc biệt, những phiên tòa mà số lượng luật sư đông, trong khi số lượng Kiểm sát viên chỉ có từ một đến hai người, việc Kiểm sát viên vừa phải thực hành quyền công tố, vừa phải kiểm sát xét xử là không khả thi và không đem lại hiệu quả mong muốn. Do vậy, để “nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác”⁵ đòi hỏi Kiểm sát viên phải được giảm bớt gánh nặng trách nhiệm của mình tại phiên tòa.

Thứ ba, tìm kiếm và phát huy các cơ chế giám sát xét xử khác thay thế hoạt động kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát, ví dụ: đổi mới cơ chế giám đốc việc xét xử của Tòa án qua việc thay đổi phương thức, phương tiện kiểm tra, giám đốc và biện pháp xử lý đối với các hiện tượng vi phạm. Ngoài ra, nhằm hiện thực hóa quyền giám sát tối cao của Quốc hội trong lĩnh vực tư pháp, Nghị quyết 49 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”⁶ đề xuất việc thành lập ủy ban Tư pháp thuộc Quốc hội để giám sát các hoạt động tư pháp. Hoạt động của cơ quan này tuy không thể mang tính chất trực tiếp và đối với tất cả các vụ án nhưng cũng là một kênh giám sát quan trọng và thực sự có quyền lực đối với hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động xét xử nói riêng. Bên cạnh đó, cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử địa phương,

của quần chúng nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng cũng có vai trò đáng kể trong việc phát hiện và loại trừ các vi phạm pháp luật phát sinh trong hoạt động xét xử.

Thứ tư, khi xu thế mở rộng tranh tụng đi vào thực tế xét xử, yếu tố tranh tụng được thể hiện rõ nét hơn, trình độ dân trí và ý thức pháp luật được nâng cao hơn, các cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho việc xét xử được hiện đại hơn, thì vai trò của người tham gia tố tụng mà đặc biệt là luật sư cũng được tôn trọng hơn, tạo cho họ nhiều điều kiện hơn để thực hiện quyền giám sát hoạt động xét xử, nhất là khi việc thực hiện pháp luật của Tòa án liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ và thân chủ của họ. Giám sát hoạt động tư pháp, hạn chế các vi phạm của quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong đó có giai đoạn xét xử là, một trong những hiệu quả đặc biệt tích cực mà tranh tụng mang lại cho các quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng mô hình tố tụng này.

Thứ năm, mô hình nào cũng có những mặt tích cực và hạn chế. Mô hình Viện kiểm sát không có quyền kiểm sát xét xử cũng có những hạn chế của nó, điều quan trọng là phải biết lựa chọn áp dụng mô hình nào cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mỗi quốc gia trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Từ những phân tích về ưu nhược điểm của sự tồn tại hoạt động kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát, những phân tích về yêu cầu, đòi hỏi của xu thế mở rộng tranh tụng và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực pháp luật, chúng tôi cho rằng việc bỏ quy định về quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát trong việc xét xử vụ án hình sự là cần thiết và có thể chấp nhận được. Tất nhiên, việc xoá bỏ quy định này phải được đặt trong bối cảnh nền tư pháp đã có những cải cách đáng kể, xu thế tranh tụng thực sự được mở rộng cùng với những bước tiến về kinh tế-xã hội và trình độ dân trí, ý thức pháp luật và nền văn hóa pháp lý ở nước ta trong thời gian tới.

⁵ Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/1/2002: “Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới”